

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH
QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/DS-PT

Ngày 25-9-2017

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Viết Nam.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Oanh;

Ông Nguyễn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nhân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị: Ông Hoàng Đức Triết – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2017/DSST ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2017/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Chí B và bà Phạm Thị H;

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Văn H; địa chỉ: Số 9 dãy 25 X, phường T, thành phố H, tỉnh T– là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/12/2016).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị O;

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

3. Người kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị O là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Lê Chí B, bà Phạm Thị H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Văn H trình bày:

Ông Lê Chí B và vợ là bà Phạm Thị H có cho bà Nguyễn Thị O vay tiền 02 lần, lần 1 vào ngày 07/3/2008 cho vay 752.000.000 đồng và lần 2 vào ngày 20/10/2008 cho vay 390.000.000 đồng. Ngày 07/3/2008, hai bên có lập hợp đồng cho vay tiền đối với khoản vay 752.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất thỏa thuận. Ngày 20/10/2008, khi chưa đến hạn trả nợ thì bà O viết giấy vay tiền vay thêm 390.000.000 đồng, tổng số tiền vay của 02 lần là 1.142.000.000 đồng. Quá thời hạn bà Oanh không trả nợ nên ông B, bà H khởi kiện tại Tòa án. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 46/2011/QĐST-DS ngày 18/11/2011, Tòa án nhân dân (TAND) thành phố Đ đã công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Bà O có nghĩa vụ trả cho ông B và bà H 1.236.700.000 đồng nhưng do bà O không có tiền nên giao quyền sử dụng đất ở mang tên bà Nguyễn Thị O tại khu phố 1, phường Đ, thành phố Đ cho ông B, bà H. Ngày 30/01/2013, Chánh án TAND tỉnh Quảng Trị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Quyết định nói trên. Ngày 15/3/2013, Ủy ban Thẩm phán TAND tỉnh Quảng Trị đã hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 46/2011/QĐST-DS ngày 18/11/2011 của TAND thành phố Đ và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án, lý do là vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mà bà O thỏa thuận giao cho ông B, bà H đã được bà O thế chấp ở Quỹ tín dụng nhân dân N để vay tài sản. Sau khi TAND thành phố Đ thụ lý lại vụ án, do công việc làm ăn nên vợ chồng ông B, bà H không tham gia tố tụng được nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Nay ông B và bà H khởi kiện yêu cầu bà O có nghĩa vụ trả số tiền 1.236.700 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 94.700.000 đồng, chỉ yêu cầu bà O trả lại số tiền còn nợ là 1.142.000.000 theo giấy vay tiền.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 05/01/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn trình bày:

Bà O thừa nhận có nợ ông B và bà H số tiền 493.000.000 đồng. Đối với số tiền vợ chồng ông B và bà H khởi kiện do ông B cho vay nặng lãi và cộng tiền lãi vào, đồng thời vụ án đã bị Ủy ban Thẩm phán TAND tỉnh Quảng Trị hủy nên đề nghị Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho ông B, bà H.

Bản án sơ thẩm số 11/2017/DSST ngày 20/6/2017 của TAND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị quyết định: Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 470, điểm b

khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Chí B và bà Phạm Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị O có nghĩa vụ trả số tiền 1.142.000.000 đồng cho ông Lê Chí B và bà Phạm Thị H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 14/7/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị O kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nguyên đơn ông Lê Chí B, bà Phạm Thị H yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị O trả số tiền nợ gốc 1.142.000.000 đồng nên trường hợp này không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Kháng cáo của bị đơn cho rằng thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc*”. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện, nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Mặt khác, điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy

định thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự như sau: *“Đối với tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, về đòi lại tài sản, đòi lại quyền sử dụng đất do người khác quản lý, chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện”*. Trong vụ án này, nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.142.000.000 đồng là số tiền nợ gốc theo các giấy vay tiền ngày 07/3/2008 và ngày 20/10/2008. Trường hợp này xác định yêu cầu của nguyên đơn là đòi lại tài sản nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Trường hợp vụ án này phải xác định yêu cầu của nguyên đơn là “đòi lại tài sản” nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là không chính xác nhưng nội dung giải quyết là đúng pháp luật. Các đương sự không có kháng cáo về quan hệ tranh chấp nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Do đó, kháng cáo của bị đơn cho rằng thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết là không có cơ sở.

Các nội dung khác trong đơn kháng cáo không liên quan đến vụ án mà Tòa án đang thụ lý giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ sự phân tích, đánh giá nêu trên, xét thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập, xác minh theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm đã đánh giá một cách tổng hợp, khách quan các tài liệu, chứng cứ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bà Nguyễn Thị O phải trả cho ông Lê Chí B, bà Phạm Thị H số tiền 1.142.000.000 đồng là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị cũng đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, cần bác toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1 Điều 470 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 2009; khoản 1 Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị O có nghĩa vụ trả cho ông Lê Chí B, bà Phạm Thị H số tiền 1.142.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm bốn mươi hai triệu đồng*).

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị O phải chịu 46.260.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0008695 ngày 02/8/2017 của Chi cục THADS thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Bà O còn phải nộp 46.260.000 đồng.

Ông Lê Chí B, bà Phạm Thị H không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 24.550.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0008387 ngày 01/12/2016 của Chi cục THADS thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 25/9/2017.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND TP Đ;
- CCTHADS TP Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Viết Nam

